

Mẫu số 03 - Phụ lục VIII

CHI CỤC HQKV....

Đội hải quan CK...

- Số tờ khai PTVT xuất cảnh/nhập cảnh (Vehicle declaration No. for exit/entry):

- Số bản kê hàng hóa (Cargo manifest No.):

BẢN KÊ THÔNG TIN HÀNG HÓA NHẬP KHẨU
PRE-ARRIVAL DECLARATION FORM

A. PHẦN KHAI BÁO/DECLARATION FORM:**I. Thông tin chung/General information:**

1. Phân loại người khai hải quan (Chủ hàng/Chủ phương tiện vận tải/Người điều khiển PTVT/Đại lý hải quan/Người được chủ hàng, chủ PTVT ủy quyền):

Classification of customs declarant (Goods owner / Vehicle owner / Vehicle operator / Customs broker / Person authorized by the goods owner or vehicle owner)

2. Có giấy ủy quyền/Authorization letter attached:

☐ Có/Yes
☐ Không/No

3. Địa điểm dỡ hàng (Cửa khẩu/Kho bãi, địa điểm tập kết hàng hóa) Point of Unloading (Border check point/warehouse):

.....

4. Tên/Địa chỉ/Mã số thuế/Số điện thoại của người khai (Name/Address/Tax code/Phone number of declarant):

.....

II. Thông tin về hàng hóa nhập khẩu/Imported goods information:

Chỉ dẫn: Trên mỗi dòng, khai cụ thể tên hàng nhập khẩu, không được khai chung chung là hàng bách hóa, hàng may mặc, hàng điện tử....

1. Hàng hóa nhập khẩu đã đăng ký tờ khai hải quan/Imported goods with customs declarations

STT No.	Số tờ khai hải quan/Customs declaration No.	Mã HS/HS code	Mô tả hàng hóa/Description	Số hiệu container/Container No.	Loại container/Cont. type

2. Hàng hóa nhập khẩu chưa đăng ký tờ khai hải quan/Imported goods without customs declarations

ST T	Mã HS / HS code	Mô tả hàng hóa/ Desc ription	Số lượng /Quant ity	Đơn vị tính /Quant ity Unit	Trọng lượng /Weig ht	Đơn vị tính /Weig ht Unit	Chủ hàng (Họ tên, địa chỉ)/ Own er	Người gửi hàng (Họ tên, địa chỉ)/C onsign or	Người nhận hàng(Họ tên, mã số thuế địa chỉ)/Con signee	Số hiệu contai ner/Co ntainer No.	Loại contai ner/Co nt. type

3. Tổng trọng lượng và đơn vị tính (Total weight and unit):

.....

..., ngày (date).....tháng (month)..... năm (year)

**NGƯỜI KHAI
(CUSTOMS DECLARANT)**

B. PHẦN XÁC NHẬN CỦA HẢI QUAN:

.....Giờ.....ngày.....tháng.....Năm 20.....
**CÔNG CHỨC HẢI QUAN TIẾP NHẬN/
CUSTOMS RECEIVING OFFICER**
 (ký tên, đóng dấu công chức)
 (hoặc xác nhận trên hệ thống)

.....Giờ.....ngày.....tháng.....Năm 20.....
**CÔNG CHỨC GIÁM SÁT HẢI QUAN
TẠI CỬA KHẨU/
CUSTOMS SUPERVISION OFFICER AT
THE CHECKPOINT**
 (ký tên, đóng dấu công chức)
 (hoặc xác nhận trên hệ thống)

.....Giờ.....ngày.....tháng.....Năm 20.....
**CÔNG CHỨC GIÁM SÁT HẢI QUAN TẠI ĐỊA ĐIỂM TẬP KẾT/
CUSTOMS SUPERVISION OFFICER AT THE CONSOLIDATION PLACE**
 (ký tên, đóng dấu công chức)
 (hoặc xác nhận trên hệ thống)